TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2022/DS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp Quyền sử dụng đất"; "Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"; "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công M1ười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất"; "Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"; "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 625/2022/QĐPT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1966. (vắng mặt)

1.2. Bà Phạm Thị Diệu X4, sinh năm 1968. (vắng mặt)

1.3. Ông Phạm Văn M1, sinh năm 1970. (vắng mặt)

1.4. Ông Phạm Văn S, sinh 1974. (vắng mặt)

1.5. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975 (M2 và còn có tên Phạm Văn T1).

(vắng mặt)

1.6. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Tất cả cư trú: Ấp P, xã P1, Huyện D1, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Ông Vương Sơn H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số 72, đường T3, khu phố N, phường N1, thành phố T4, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị P2, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Nhà số 6A, Hẻm số 4, Đường 30-4, Khu phố 5, Phường 4, thành phố T4, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Nhà số 6A, Hẻm số 4, Đường 30-4, Khu phố 5, Phường 4, thành phố T4, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Phan Thị P2, sinh năm 1957

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Quang S1 – Phó Giám đốc. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Kiều T5 – Phó Giám đốc phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Dương Minh Châu (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Vương Sơn H là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn trình bày:

Các nguyên đơn và bị đơn không có mối quan hệ họ hàng bà con và không quen biết. Vào tháng 11 năm 1972 ông Nguyễn Văn D2 bán cho ông Phạm Văn L (cha ruột của các nguyên đơn) khoảng 01 ha đất rừng, không nhớ giá mua bán là bao nhiêu. Khi sang nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có viết giấy tay sang nhượng đất giao cho ông L giữ, hai bên giao nhận tiền và đất xong, sau khi sang nhượng gia đình ông L sử dụng đất trồng hoa màu. Đến khoảng năm 1990, ông L cho ông Phan Văn Đ3 (cha ruột bà P2) mượn đất (không có giấy tờ) diện tích khoảng 5.000 m^2 để cất nhà sinh sống, diện tích còn lại ông L quản lý, sử dụng cất nhà để ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất cho ông Đ3 mượn ông L không kê khai đăng ký vì dự định cho các nguyên đơn.

Năm 2000 ông Đ3 trả đất cho ông L và ông L sử dụng trồng hoa màu. Năm 2015 ông L chết, bà Đặng Thị C1 (vợ ông L) và các nguyên đơn quản lý, sử dụng. Năm 2016 bà C1 chết phần đất này giao cho các nguyên đơn quản lý trồng hoa màu. Năm 2017, bà P2 là con ông Phạm Văn Để đem trụ xi-măng và kẽm B40 rào toàn bộ diện tích 5.000 m^2 đất nêu trên, hai bên xảy ra xô xát.

Quá trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân xã P1, các nguyên đơn mới biết diện tích đất đang tranh chấp được Ủy ban nhân dân Huyện D1, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bị đơn bà Phan Thị P2 vào ngày 20-6-1997 diện tích 3.980 m^2.

Sau đó, Ủy ban nhân dân xã P1 giải quyết không T6 nên chuyển đến Tòa án giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 16-5-2018 các nguyên đã đơn khởi kiện đối với bà Phan Thị P2 yêu cầu trả diện tích đất 5.000 m^2. Ngày 21-11-2019 các nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án, bà P2 đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại theo diện tích đo đạc thực tế là 4.041,6 m^2 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do rút đơn khởi kiện là để các nguyên đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân Huyện D1 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị P2 là không đúng. Sau đó, Ủy ban Huyện D1 trả lời là đất của bà P2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án và các nguyên đơn tiếp tục khởi kiện lần thứ hai đối với bà P2 về diện tích đất trên.

Các nguyên đơn cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình nguyên đơn, yêu cầu bà P2 giao trả phần đất diện tích 4.041,6 m^2 (diện tích đo đạc thực tế) tọa lạc tại Ấp P, xã P1, Huyện D1, tỉnh Tây Ninh cho các nguyên đơn; đồng thời yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.041,6 m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/3/2020 cho bà Phan Thị P2 đứng tên. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phan Thị P2 trình bày:

bà P2 có diện tích đất 3.980 m^2 tọa lạc tại Ấp P, xã P1, Huyện D1, tỉnh Tây Ninh được Ủy ban nhân dân Huyện D1, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20-6-1997, có sơ đồ địa chính, sau đó có đo đạc lại hai lần vào ngày 12-6-2003 và ngày 22-01-2009 và hiện nay đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/3/2020 diện tích đất đo đạc thực tế là 4.041,6 m^2. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, với lý do sau: Nguồn gốc đất là bà mua của ông Phạm Văn L bà Đặng Thị C1 (cha mẹ ruột của các nguyên đơn) vào năm 1979 có xác nhận của người dân sống lâu năm tại khu đất và chính quyền địa

phương. Diện tích đất trên bà và gia đình đã canh tác, sản xuất từ năm 1979 cho đến nay, có xác nhận của người dân sống lâu năm tại khu đất và chính quyền địa phương. Khi mua có cắm trụ gỗ làm ranh 4 gốc đất, sau đó có cắm trụ rào bê tông vào năm 2018, có cán bộ địa chính đến cùng xác định ranh giới với ông Phạm Văn L và bà Đặng Thị C1 là chủ đất để chứng kiến việc trồng trụ xi-măng xác định ranh đất giữa các bên, có nhân chứng , Lê Thị L1 chứng kiến.

Ngày 02-7-2017 bà P2 xây dựng hàng rào trên nền trụ rào xi-măng cũ thì bà X tranh chấp ranh đất, chính quyền có đến xác định ranh đất của các bên cùng sự có mặt của bà X, ông S, ông M1, sau đó bà P2 tiếp tục đóng cọc hàng rào, qua hôm sau, ông M1 đã đạp đỗ 4 trụ rào (phía ranh đất ông Phạm Văn L), bà P2 mời địa chính xuống giải quyết lần thứ hai để xác định ranh đất theo yêu cầu của ông Phạm Văn M1 là phải dời vô trong 0,2 mét cho thẳng ranh và chính bà X (nguyên đơn) là người kéo dây xác định ranh đất thep ý bà có sự chứng kiến của địa chính ông Bành Minh L2 và 3 người làm công cho bà P2 là: ông B1, ông L3, ông T và người hàng xóm ông Huỳnh Quốc G1, các trụ rào cũ bà P2 sử dụng lại làm trụ chống chỏi trụ rào mới. Nhưng sau đó, đêm ngày 22-12-2017 rạng sáng ngày 23-12-2017 được tin báo bà X và nhiều người khác đã tháo dỡ hàng rào qua kiểm tra là 126 m hàng rào B40, bà P2 báo công an xã họp giải quyết (có biên bản), tại cuộc họp bà X xác định có tháo dỡ hàng rào và dọa chém nếu ai vào đất này. Ngày 03-01-2018 bà X đã ngang nhiên lấn chiếm toàn bộ diện tích đất trên để trồng đậu xanh, bà P2 có báo công an xã P1 và công an Huyện D1 yêu cầu xử lý hình sự đối với bà Phạm Thị Diệu X4 về hành vi cưỡng đoạt tài sản, tại văn bản số 150/CV-CAH ngày 26-3-2018 của Công an Huyện D1 trả lời về hành vi tháo gỡ của bà Phạm Thị Diệu X4 không có dấu hiệu của tội phạm.

Quá trình tranh chấp giữa các bên: Năm 2008 tranh chấp lần 1, ông L có tranh chấp về ranh đất và đã được địa chính Nguyễn Thanh P5 giải quyết, ông L đã biết phần đất đang tranh chấp với bà đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó ông L đồng ý xác định ranh đất và cắm trụ rào xong. Từ đó cho đến năm 2015 ông L chết, ông không có tranh chấp về đất đai gì hết. Trong khi cha bà P2 (ông Đ3) chết từ ngày 25-01-1999 tức chết trước ông L 16 năm mà ông L và gia đình không có tranh chấp đất.

Năm 2017 phát sinh tranh chấp lần thứ hai do ông M, bà X... tháo dỡ hàng rào lưới B40 và lấn chiếm toàn bộ diện tích đất của bà.

bà P2 xác định các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không đúng. Ông Phan Văn Đ3 (cha ruột của bà P2) không có mượn đất của ông L, bà C1. Gia đình bà X, ông T... không có sử dụng đất đang tranh chấp. Bà và gia đình đã sử dụng trồng khoảng 40 cây dừa ăn trái, làm nhà

tạm, làm hàng rào.... ông Hồ Thanh C2 và bà Lê Thị L1 là người làm vườn cho bà từ năm 1999 đến năm 2017.

Ngày 13-9-2017 bà có vào chân điện thắp sáng tại vị trí đất trên, tháng 7-2017 bà cho người là hàng rào B40, không xây chân rào, có khoảng 80 trụ xi – măng cao khoảng 0,2 m, có cổng rào, cửa rào xung quanh phần đất, khi làm hàng rào bà X biết, ông M1 biết, đến 23-12-2017 bà X tháo dỡ hàng rào của bà và các bên tranh chấp cho đến nay.

Bà không đồng ý khởi kiện của các nguyên đơn và bà phản tố yêu cầu các nguyên đơn cụ thể là bà X và ông T có nghĩa vụ bồi thường cho bà 2.000.000 đồng vì ngày 09-6-2020 bà tiếp tục vào đất cho 3 người thợ sửa chữa làm hàng rào lại, cụ thể: ông T6 (b2), ông T và ông Đ4(tự L5) tiền công 1 ngày /300.000 đồng, 3 người là 900.000 đồng và tiền thuê xe ô tô hai lượt đi về lá 1.100.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng, khi thợ đến làm ông T2 hăm dọa và chữi nếu ai vào đất thì cho người chém, bà cho thợ làm lại hàng rào hai mặt phía trước và sau, còn mặt bên hông chưa làm kịp thì công an xã đến do bà yêu cầu đã lập biên bản tạm dừng sửa chữa hàng rào chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Hiện trạng hàng rào hiện nay: Hướng Bắc giáp Sơn Đình 2 có đoạn hàng rào kẽm bị tháo dỡ (để xuống đất) gần cổng rào dài 05m, hướng Đông giáp đất ông Phạm Văn M1 có đoạn hàng rào kẽm B40 bị tháo dỡ (cuộn tròn để xuống đất) dài khoảng 46 m, hướng Nam giáp đất ông Phạm Văn M1 có đoạn hàng rào kẽm B40 bị tháo dỡ để dưới đất khoảng 40 m, hướng Tây hàng rào kẽm không bị tháo dỡ, trên đất hiện không có tài sản, cây trồng gì. Do hàng rào bị tháo dỡ để tại đất, không đập phá hàng rào nên bà không yêu cầu thẩm định thiệt hại mà chỉ yêu cầu trả tiền thuê công thợ sửa chữa hàng rào và tiền thuê xe ô tô vào xem thợ sửa chữa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà đang giữ chờ kết quả giải quyết của Tòa án, bà không có thế chấp ở đâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị P2 đại diện cho ông Đặng Văn H1 trình bày: bà và ông H1 là vợ chồng, với tư cách đại diện cho ông H1, thống nhất lời trình bày của bà P2. Tài sản trên hiện vợ chồng đã thỏa thuận là tài sản riêng của bà P2.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh có văn bản trình bày ý kiến:

1. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 20/6/1997, ông (bà) Phan Thị P2 được UBND Huyện D1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00867, số phát hành I824332, tại thửa đất số 2683, 2684, 2685, 4061, tờ bản đồ số 1, với tổng diện tích là 3980 m^2, mục đích sử dụng đất: 400 m^2 T, 1720 m^2 vườn, 1180 m^2 lúa.

Ngày 23/12/2019, bà Phan Thị P2 nộp hồ sơ đăng ký biến động đất đai sang đo lưới chính quy 2010 đối với các thửa đất số 2683, 2684, 2685, 4061, tờ bản đồ số 1 thành thửa đất số 118, tờ bản đồ số 8, diện tích 4041,6 m^2 (Trong đó: 400 m^2 ONT, 1720 m^2 CLN, 1921,6 m^2 LUK). Ngày 26/02/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Dương Minh Châu ký thẩm định, xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 13/3/2020, bà Phan Thị P2 được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS04596, số phát hành Cv027472, tại thửa số 118, tờ bản đồ số 8, diện tích 4041,6 m^2 , mục đích sử dụng đất: 400 m^2 ONT, 1720 m^2 CLN, 1921,6 m^2 LUK.

2. Về việc yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phan Thị P2:

Trong thời gian gải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị P2 tại thửa số 118, tờ bản đồ số 8, diện tích 4041,6 m^2 , Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Dương Minh Châu không tiếp nhận bất cứ đơn ngăn chặn, đơn khiếu nại hay công văn yêu cầu tạm dừng của cá nhân hay tổ chức nào đối với thửa đất trên.

Từ đó, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị P2 đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, quyết định:

1. Căn cứ Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; Điều 37; Điều 38; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 170; khoản 2 Điều 221; Điều 235; Điều 584 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 106 của Luật Đất đai. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

2. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị Diệu X4, ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn T (M2 và còn có tên Phạm Văn T1), ông Phạm Văn T2 đối với bị đơn bà Phan Thị P2 về tranh chấp Quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.041,6 m^2 tọa lạc tại Ấp P, xã P1, Huyện D1, tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS04596, số phát hành Cv027472, tại thửa số 118, tờ bản đồ số 8, diện tích

4041,6 m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Phan Thị P2 vào ngày 13/3/2020.

bà P2 được quyền sử dụng phần đất diện tích 4.041,6 m^2 tọa lạc tại Ấp P, xã P1, Huyện D1, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi số vào sổ CS04596 ngày 13/3/2020 cho bà Phan Thị P2 đứng tên.

Đối với yêu cầu phản tố về Bồi thường thiệt hại của bà Phan Thị P2 được tách ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 08/11/2021, ông Vương Sơn H là người đại diện cho các nguyên đơn cáo đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vương Sơn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn bà Phan Thị P2 đã được triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định quyền sử dụng phần đất diện tích 4.041,6 m^2 là của cha mẹ các nguyên đơn đã chết để lại và yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên; với lý do nguồn gốc đất của cha mẹ nguyên đơn cho mượn để ở. Phía bị đơn không đồng ý, cho rằng diện tích 4.041,6 m^2 đất trên gia đình bị đơn đã nhận sang nhượng vào năm 1979 và sử dụng xuyên suốt đến nay; đã được Ủy ban nhân dân Huyện D1, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận từ ngày 20/6/1997. Đồng thời, phía bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường 2.000.000 đồng tiền chi phí sửa chữa hàng rào kẽm B40 do bị nguyên đơn tháo dỡ.

[2.2] Xét thấy, phía nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp cha mẹ của nguyên đơn cho cha mẹ của bị đơn mượn để cất nhà nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc cho mượn.

Những người dân sinh sống lân cận như ông Hồ Văn M5, ông Huỳnh P6, bà Phạm Thị N4, Trưởng Ban công tác mặt trận ấp - ông Trần Công C3, ông Bình Minh Lợi - địa chính xã P1, ông Nguyễn Thanh C4 – Trưởng ban quản lý ấp P, ông Nguyễn Công T6…. đều xác định gia đình bà P2 nhận chuyển nhượng đất từ ông Phạm Văn L và bà Đặng Thị C1 năm 1979 và quản lý, sử dụng đất từ đó đến nay.

Từ năm 1995, gia đình bị đơn đã đăng ký kê khai quyền sử dụng đất; ngày 20/6/1997, UBND Huyện D1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị đơn, đứng tên bà Phan Thị P2. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P2 được thực hiện công khai nhưng phía gia đình nguyên đơn cũng không có ý kiến phản đối, khiếu nại. Bản thân ông Phạm Văn L (cha của các nguyên đơn) khi thực hiện kê khai quyền sử dụng đất ngày 25/01/2002 (sau thời điểm gia đình bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì ông L cũng không kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.041,6m^2 đang tranh chấp.

Vì vậy, có căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp gia đình bị đơn đã nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định, liên tục từ trước đến nay; thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tách ra giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên đương sự đều không kháng cáo đối với nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vương Sơn H – đại diện nguyên đơn; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

[4] Do kháng cáo không Đ4chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Sơn H – đại diện nguyên đơn.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 170, khoản 2 Điều 221, Điều 235, Điều 584 của Bộ luật Dân sự; Điều 106 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị Diệu X4, ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn T (M2 và còn có tên Phạm Văn T1), ông Phạm Văn T2 đối với bị đơn bà Phan Thị P2 về tranh chấp Quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.041,6 m^2 tọa lạc tại Ấp P, xã P1, Huyện D1, tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS04596, số phát hành Cv027472, tại thửa số 118, tờ bản đồ số 8, diện tích 4041,6 m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Phan Thị P2 vào ngày 13/3/2020.

bà P2 được quyền sử dụng phần đất diện tích 4.041,6 m^2 tọa lạc tại Ấp P, xã P1, Huyện D1, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi số vào sổ CS04596 ngày 13/3/2020 cho bà Phan Thị P2 đứng tên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị Diệu X4, ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn T (M2 và còn có tên Phạm Văn T1), ông Phạm Văn T2 mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo các biên lai thu số 0000027, 0000028, 0000029, 0000030, 0000031, 0000032 ngày 10/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, các đương sự đã nộp đủ tiền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- NLQ;
- Lưu: VP, HS, 15bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công M1ười

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn **Chung Văn Kết** **Phạm Công M1ười**